

Số: 888 /TB-UBND

Vĩnh Thuận, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển dụng viên chức năm 2022**

Căn cứ Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận về tuyển dụng viên chức năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1090/SNV-TCCCCVC ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang về việc tuyển dụng viên chức.

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận thông báo tuyển dụng viên chức năm 2022 như sau:

**1. Số lượng người làm việc cần tuyển dụng ứng với từng vị trí việc làm: 41 người, cụ thể:**

- Chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) tuyển 22 người.
- Chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) tuyển 02 người.
- Chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15) tuyển 04 người.
- Chức danh nghề nghiệp Biên tập viên hạng III (mã số V.11.01.03) tuyển 01 người.
- Chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III (mã số V.10.01.03) tuyển 01 người.
- Chức danh nghề nghiệp Kỹ sư hạng III (mã số V.05.02.07) tuyển 01 người.
- Chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV (mã số V.08.03.07) tuyển 05 người.
- Chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032) tuyển 05 người.

**2. Số lượng, vị trí việc làm thực hiện việc xét tuyển: 08 vị trí, cụ thể:**

- a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 05 vị trí.
  - Giáo viên Mầm non.
  - Giáo viên Tiểu học.
  - Giáo viên Trung học phổ thông.



- Y tế.
- Kế toán.
- b) Sự nghiệp Văn hóa: 03 vị trí
- Thể dục - thể thao.
- Biên tập viên.
- Kỹ thuật viên.

### **3. Tiêu chuẩn và điều kiện đăng ký tuyển dụng**

**3.1. Tiêu chuẩn:** Theo quy định tại bảng nhu cầu tuyển dụng viên chức (có bảng nhu cầu tuyển dụng viên chức kèm theo).

#### **3.2 Điều kiện**

**3.2.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức**

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn đăng ký dự tuyển (nay gọi là Phiếu đăng ký dự tuyển);
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

#### **3.2.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức**

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

### **4. Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển**

#### **4.1. Thời hạn tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển**

Thời hạn nhận phiếu đăng ký dự tuyển từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2022 (nhận hồ sơ trong giờ hành chính và ngày làm việc).

#### **4.2. Địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển**

\* Đăng ký dự tuyển vị trí: Giáo viên Mầm non; Giáo viên Tiểu học; Giáo viên Trung học phổ thông; Y tế; Kế toán, nộp hồ sơ tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

**Địa chỉ:** Khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.



\* Đăng ký dự tuyển vị trí: Biên tập viên; Thể dục - thể thao, Kỹ thuật viên, nộp hồ sơ tại Phòng Nội vụ huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

**Địa chỉ:** Khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

### **5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

- Một (01) phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.
- Hai (02) tấm ảnh 3x4 (ghi rõ họ, tên, ngày tháng năm sinh).
- Hai (02) phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc, dán tem.
- Hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh được bỏ vào túi hồ sơ kích thước 250 x 340 x 5mm.

**6. Phương thức tuyển dụng:** Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo nguyên tắc cạnh tranh.

### **7. Nội dung và hình thức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, gồm 2 vòng như sau:

**7.1. Vòng 1:** Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

### **7.2. Vòng 2: Môn nghiệp vụ chuyên ngành**

**7.2.1. Hình thức:** Có 02 hình thức phỏng vấn và thực hành

- Thực hành giảng dạy trên lớp đối với vị trí giáo viên Tiểu học; Giáo viên Trung học phổ thông.
- Phỏng vấn đối với các vị trí còn lại.

### **7.2.2. Nội dung**

Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Đối với vị trí Giáo viên mầm non, Giáo viên Trung học phổ thông: Thực hành thuyết trình giáo án, nội dung thực hành thuộc chương trình Giáo dục mầm non, trung học phổ thông hiện hành.

- Đối với các vị trí còn lại: Phỏng vấn theo yêu cầu vị trí việc làm.

### **7.2.3. Thời gian**

- Thực hành 30 phút;
- Phỏng vấn 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh tham dự có không quá 15 phút chuẩn bị).
- Thang điểm phỏng vấn, thực hành: 100 điểm.

### **8. Thời gian và địa điểm xét tuyển**





**8.1. Thời gian:** Dự kiến tổ chức tuyển dụng trong quý III năm 2022, sẽ có thông báo cụ thể đến thí sinh.

**8.2. Địa điểm ôn và xét tuyển**

\* Địa điểm ôn: Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Thuận.

**Địa chỉ:** khu phố Vĩnh Đông I, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

\* Địa điểm xét tuyển:

- *Thực hành:*

+ Vị trí giáo viên Tiểu học: Trường Tiểu học Thị Trấn 1.

**Địa chỉ:** Khu phố Vĩnh Phước 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

+ Vị trí giáo viên Trung học phổ thông: Trường THPT Vĩnh Thuận.

**Địa chỉ:** Khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

- *Phỏng vấn:* Tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thuận.

**Địa chỉ:** Khu phố Vĩnh Đông 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

**9. Lệ phí dự tuyển**

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và theo quy định hiện hành. Dự kiến thu lệ phí là 500.000 đồng/thí sinh.

Thông báo này công khai trên báo Kiên Giang; phát trên sóng phát thanh truyền hình thuộc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Vĩnh Thuận; đăng tải trên cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận; niêm yết tại trụ sở Phòng Nội vụ và các đơn vị có nhu cầu đăng ký dự tuyển. Mọi công dân đủ tiêu chuẩn, điều kiện có quyền đăng ký dự tuyển theo quy định./lexh

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy (để b/c);
- CT các PCT. UBND huyện (để b/c);
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH, TT&TT (thông báo trên đài);
- LĐVP HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Ngọc Nguyên**



**BẢNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số 888 /TB-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Thuận)

| S<br>T<br>T                  | Tên đơn vị                 | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>được<br>giao | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>hiện<br>có | Vị trí việc<br>làm cần<br>tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp cần<br>tuyển dụng |      |            | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng                          |                               |                                                              |                        | Ghi<br>chú |
|------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|------|------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------|------------|
|                              |                            |                                                     |                                                   |                                      | Chức danh<br>nghề nghiệp                | Hạng | Mã số      |                             | Chuyên môn                                                  | Ngoại ngữ                     | Tin học                                                      | Chứng chỉ bồi<br>dưỡng |            |
| 1                            | 2                          | 3                                                   | 4                                                 | 5                                    | 6                                       | 7    | 8          | 9                           | 10                                                          | 11                            | 12                                                           | 13                     | 14         |
| <b>I. SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC</b> |                            |                                                     |                                                   |                                      |                                         |      |            |                             |                                                             |                               |                                                              |                        |            |
| 1                            | Trường Mẫu giáo Bình Minh  | 21                                                  | 18                                                | Giáo viên Mầm non                    | Giáo viên Mầm non                       | III  | V.07.02.26 | 3                           | Cao đẳng sư phạm Mầm non trở lên                            | Có khả năng sử dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin                     |                        |            |
| 2                            | Trường Mẫu giáo Phong Đông | 14                                                  | 10                                                | Giáo viên Mầm non                    | Giáo viên Mầm non                       | III  | V.07.02.26 | 2                           | Cao đẳng sư phạm Mầm non trở lên                            | Có khả năng sử dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin                     |                        |            |
|                              |                            |                                                     |                                                   | Kế toán                              | Kế toán viên trung cấp                  |      | 06.032     | 1                           | Cao đẳng trở lên chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán, Tài chính |                               |                                                              |                        |            |
| 3                            | Trường Mẫu giáo Tân Thuận  | 19                                                  | 14                                                | Giáo viên Mầm non                    | Giáo viên Mầm non                       | III  | V.07.02.26 | 5                           | Cao đẳng sư phạm Mầm non trở lên                            | Có khả năng sử dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin                     |                        |            |
| 4                            | Trường Mẫu giáo Thị Trấn   | 31                                                  | 26                                                | Giáo viên Mầm non                    | Giáo viên Mầm non                       | III  | V.07.02.26 | 3                           | Cao đẳng sư phạm Mầm non trở lên                            | Có khả năng sử dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin                     |                        |            |
|                              |                            |                                                     |                                                   | Y tế                                 | Y sĩ                                    | IV   | V.08.03.07 | 1                           | Y sĩ                                                        | Chứng chỉ A hoặc A1 trở lên   | Chứng chỉ A hoặc Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên |                        |            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị                       | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>được<br>giao | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>hiện<br>có | Vị trí việc<br>làm cần<br>tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp cần<br>tuyển dụng |      |            | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng                                |                                  |                                                                    |                        | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|------|------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------|
|             |                                  |                                                     |                                                   |                                      | Chức danh<br>nghề nghiệp                | Hạng | Mã số      |                             | Chuyên môn                                                        | Ngoại ngữ                        | Tin học                                                            | Chứng chỉ bồi<br>dưỡng |            |
| 1           | 2                                | 3                                                   | 4                                                 | 5                                    | 6                                       | 7    | 8          | 9                           | 10                                                                | 11                               | 12                                                                 | 13                     | 14         |
| 5           | Trường Mẫu giáo Vĩnh<br>Bình Bắc | 22                                                  | 17                                                | Giáo viên<br>Mầm non                 | Giáo viên<br>Mầm non                    | III  | V.07.02.26 | 3                           | Cao đẳng sư phạm<br>Mầm non trở lên                               | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin                        |                        |            |
|             |                                  |                                                     |                                                   | Y tế                                 | Y sĩ                                    | IV   | V.08.03.07 | 1                           | Y sĩ                                                              | Chứng chỉ A hoặc<br>A1 trở lên   | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên |                        |            |
|             |                                  |                                                     |                                                   | Kế toán                              | Kế toán viên<br>trung cấp               |      | 06.032     | 1                           | Cao đẳng trở lên<br>chuyên ngành Kế toán,<br>Kiểm toán, Tài chính |                                  |                                                                    |                        |            |
| 6           | Trường Mẫu giáo Vĩnh<br>Bình Nam | 17                                                  | 13                                                | Giáo viên<br>Mầm non                 | Giáo viên<br>Mầm non                    | III  | V.07.02.26 | 2                           | Cao đẳng sư phạm<br>Mầm non trở lên                               | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin                        |                        |            |
|             |                                  |                                                     |                                                   | Y tế                                 | Y sĩ                                    | IV   | V.08.03.07 | 1                           | Y sĩ                                                              | Chứng chỉ A hoặc<br>A1 trở lên   | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên |                        |            |
| 7           | Trường Mẫu giáo Vĩnh<br>phong    | 24                                                  | 18                                                | Giáo viên<br>Mầm non                 | Giáo viên<br>Mầm non                    | III  | V.07.02.26 | 2                           | Cao đẳng sư phạm<br>Mầm non trở lên                               | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin                        |                        |            |
|             |                                  |                                                     |                                                   | Y tế                                 | Y sĩ                                    | IV   | V.08.03.07 | 1                           | Y sĩ                                                              | Chứng chỉ A hoặc<br>A1 trở lên   | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên |                        |            |



| S<br>T<br>T | Tên đơn vị                                               | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>được<br>giao | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>hiện<br>có | Vị trí việc<br>làm cần<br>tuyển dụng      | Chức danh nghề nghiệp cần<br>tuyển dụng |      |            | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng                                |                                  |                                                                    |                        | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|------|------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------|
|             |                                                          |                                                     |                                                   |                                           | Chức danh<br>nghề nghiệp                | Hạng | Mã số      |                             | Chuyên môn                                                        | Ngoại ngữ                        | Tin học                                                            | Chứng chỉ bồi<br>dưỡng |            |
| 1           | 2                                                        | 3                                                   | 4                                                 | 5                                         | 6                                       | 7    | 8          | 9                           | 10                                                                | 11                               | 12                                                                 | 13                     | 14         |
| 8           | Trường Mẫu Giáo Vĩnh<br>Thuận                            | 21                                                  | 18                                                | Giáo viên<br>Mầm non                      | Giáo viên<br>Mầm non                    | III  | V.07.02.26 | 2                           | Cao đẳng sư phạm<br>Mầm non trở lên                               | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin                        |                        |            |
|             |                                                          |                                                     |                                                   | Y tế                                      | Y sĩ                                    | IV   | V.08.03.07 | 1                           | Y sĩ                                                              | Chứng chỉ A hoặc<br>A1 trở lên   | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên |                        |            |
| 9           | Trường Tiểu học Vĩnh<br>Phong 4                          | 28                                                  | 27                                                | Kế toán                                   | Kế toán viên<br>trung cấp               |      | 06.032     | 1                           | Cao đẳng trở lên<br>chuyên ngành Kế toán,<br>Kiểm toán, Tài chính |                                  |                                                                    |                        |            |
| 10          | Trường Tiểu học Vĩnh<br>Thuận 1                          | 35                                                  | 34                                                | Giáo viên<br>Tiểu học<br>dạy Tiếng<br>anh | Giáo viên<br>Tiểu học                   | III  | V.07.03.29 | 1                           | Đại học<br>Sư phạm Tiếng anh<br>trở lên                           | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin                        |                        |            |
| 11          | Trường Tiểu học và<br>Trung học cơ sở Vĩnh<br>Bình Nam 1 | 61                                                  | 59                                                | Giáo viên<br>Tiểu học<br>dạy Tiếng<br>anh | Giáo viên<br>Tiểu học                   | III  | V.07.03.29 | 1                           | Đại học<br>Sư phạm Tiếng anh<br>trở lên                           | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin                        |                        |            |
|             |                                                          |                                                     |                                                   | Kế toán                                   | Kế toán viên<br>trung cấp               |      | 06.032     | 1                           | Cao đẳng trở lên<br>chuyên ngành Kế toán,<br>Kiểm toán, Tài chính |                                  |                                                                    |                        |            |

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị                                                  | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>được<br>giao | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>hiện<br>có | Vị trí việc<br>làm cần<br>tuyển dụng            | Chức danh nghề nghiệp cần<br>tuyển dụng |      |            | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng                                |                                  |                                             |                        | Ghi<br>chú |
|-------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|------|------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|------------|
|             |                                                             |                                                     |                                                   |                                                 | Chức danh<br>nghề nghiệp                | Hạng | Mã số      |                             | Chuyên môn                                                        | Ngoại ngữ                        | Tin học                                     | Chứng chỉ bồi<br>dưỡng |            |
| 1           | 2                                                           | 3                                                   | 4                                                 | 5                                               | 6                                       | 7    | 8          | 9                           | 10                                                                | 11                               | 12                                          | 13                     | 14         |
| 12          | Trung tâm Giáo dục<br>nghề nghiệp- Giáo dục<br>thường xuyên | 14                                                  | 9                                                 | Giáo viên<br>trung học<br>phổ thông<br>dạy Toán | Giáo viên<br>Trung học<br>phổ thông     | III  | V.07.05.15 | 1                           | Đại học<br>Sư phạm Toán                                           | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin |                        |            |
|             |                                                             |                                                     |                                                   | Giáo viên<br>trung học<br>phổ thông<br>dạy Văn  | Giáo viên<br>Trung học<br>phổ thông     | III  | V.07.05.15 | 1                           | Đại học<br>Sư phạm Văn                                            | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin |                        |            |
|             |                                                             |                                                     |                                                   | Giáo viên<br>trung học<br>phổ thông<br>dạy Sử   | Giáo viên<br>Trung học<br>phổ thông     | III  | V.07.05.15 | 1                           | Đại học<br>Sư phạm Sử                                             | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin |                        |            |
|             |                                                             |                                                     |                                                   | Giáo viên<br>trung học<br>phổ thông<br>dạy Hóa  | Giáo viên<br>Trung học<br>phổ thông     | III  | V.07.05.15 | 1                           | Đại học<br>Sư phạm Hóa                                            | Có khả năng sử<br>dụng ngoại ngữ | Có khả năng ứng dụng<br>công nghệ thông tin |                        |            |
|             |                                                             |                                                     |                                                   | Kế toán                                         | Kế toán viên<br>trung cấp               |      | 06.032     | 1                           | Cao đẳng trở lên<br>chuyên ngành Kế toán,<br>Kiểm toán, Tài chính |                                  |                                             |                        |            |



| S<br>T<br>T           | Tên đơn vị                                        | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>được<br>giao | Số<br>lượng<br>người<br>làm<br>việc<br>hiện<br>có | Vị trí việc<br>làm cần<br>tuyển dụng | Chức danh nghề nghiệp cần<br>tuyển dụng |      |            | Số<br>lượng<br>cần<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cần tuyển dụng                  |                                |                                                                    |                                                                                           | Ghi<br>chú |
|-----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|------|------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                       |                                                   |                                                     |                                                   |                                      | Chức danh<br>nghề nghiệp                | Hạng | Mã số      |                             | Chuyên môn                                          | Ngoại ngữ                      | Tin học                                                            | Chứng chỉ bồi<br>dưỡng                                                                    |            |
| 1                     | 2                                                 | 3                                                   | 4                                                 | 5                                    | 6                                       | 7    | 8          | 9                           | 10                                                  | 11                             | 12                                                                 | 13                                                                                        | 14         |
| II. SỰ NGHIỆP VĂN HÓA |                                                   |                                                     |                                                   |                                      |                                         |      |            |                             |                                                     |                                |                                                                    |                                                                                           |            |
| 13                    | Trung tâm Văn hóa,<br>Thể thao và Truyền<br>thanh | 13                                                  | 10                                                | Thẻ dục-<br>Thể thao                 | Huấn luyện<br>viên                      | III  | V.10.01.03 | 1                           | Đại học<br>Thẻ dục - Thể thao;<br>Giáo dục thể chất | Chứng chỉ A hoặc<br>A1 trở lên | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên |                                                                                           |            |
|                       |                                                   |                                                     |                                                   | Biên tập<br>viên                     | Biên tập                                | III  | V.11.01.03 | 1                           | Đại học<br>Báo chí, xuất bản; Luật                  | Chứng chỉ B hoặc<br>A2 trở lên | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên | Bồi dưỡng nghiệp<br>vụ báo chí từ 8<br>tuần trở lên đối<br>với tốt nghiệp đại<br>học Luật |            |
|                       |                                                   |                                                     |                                                   | Kỹ thuật<br>viên                     | Kỹ sư                                   | III  | V.05.02.07 | 1                           | Đại học<br>chuyên ngành Kỹ thuật<br>Điện - Điện tử  | Chứng chỉ B hoặc<br>A2 trở lên | Chứng chỉ A hoặc Ứng<br>dụng công nghệ thông<br>tin cơ bản trở lên |                                                                                           |            |
| Tổng số               |                                                   | 320                                                 | 273                                               |                                      |                                         |      |            | 41                          |                                                     |                                |                                                                    |                                                                                           |            |